

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98A/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 4 năm 2021
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Việt

Ông Cầm Văn Tổ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm 2000. Địa chỉ: Tổ A, phường S, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lò Văn K, sinh năm 1998. Địa chỉ: Bản T, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Hiện đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La theo Quyết định số 91/2019/QĐ-TA ngày 28/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 12 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày như sau:

Chị và anh Lò Văn K kết hôn với nhau từ năm 2019 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 01/3/2019. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Ngay sau khi kết hôn thì hai vợ chồng anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K nghiện ma túy, anh chị thường xảy ra tranh chấp,

cuộc sống chung không hạnh phúc. Đến ngày 28/9/2019 thì anh K bị đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn K.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh chị không có tài sản chung, nợ chung vợ chồng, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 02 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lò Văn K trình bày như sau:

Về quá trình kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, anh K đều thống nhất với ý kiến của chị T đã trình bày. Tuy nhiên, anh K có nguyện vọng được hòa giải đoàn tụ nên không nhất trí ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Căn cứ Điều 208 BLTTDS Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, về con chung và tài sản chung, nợ chung của chị T và anh K tại nơi cư trú của vợ chồng sau khi kết hôn để giải quyết vụ án xin ly hôn. Kết quả xác minh đối với Ban quản lý bản T, xã B, huyện Mai Sơn, xác định:

Về tình cảm: Chị T và anh K kết hôn với nhau từ năm 2019 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh K. Trong quá trình chung sống, chị T và anh K thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K nghiện ma túy.

Về con chung: Chị T và anh K không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Do chị T, anh K sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh K và mới sống chung được 06 tháng nên anh chị không có tài sản, nợ chung vợ chồng.

Trong quá trình hòa giải tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La, do các bên không thống nhất được về phần tình cảm nên vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị T đối với anh Lò Văn K. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Lò Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Lò Văn K có địa chỉ: Bản T, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lò Văn K đã được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa. Tuy nhiên, anh K hiện đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La theo Quyết định số 91/2019/QĐ-TA ngày 28/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, trong quá trình làm việc với Tòa án anh K đã có đề nghị xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa của Tòa án. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lò Văn K.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn K tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2019, anh chị đã được UBND xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/3/2019. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K nghiện ma túy. Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, từ khi anh K đi cai nghiện bắt buộc thì vợ chồng anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét

xử xét thấy cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị T, xử cho chị T ly hôn với anh Lò Văn K.

[2.2] *Về con chung*: Chị T, anh K không có con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T, anh K xác định không có tài sản chung, nợ chung vợ chồng và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí*: Chị Lò Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn K.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án xem xét. Nếu sau này có tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết ở một vụ án khác.
4. Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000243 ngày 07 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/4/2021); bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Văn Thịnh